TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 07/4/2023.
"V/v: Ly hôn giữa anh H và chị L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG,TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi.
2. Bà Hoàng Thị Quế.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang tham gia phiên tòa: Ông Nông Trường Sinh-Kiểm sát viên (KSV).

Trong ngày 07/4/2023, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GĐ) thụ lý số: 278/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2022 về tranh chấp: ***"Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Chu Văn H, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Làng Hà Nừng, xã S, huyện K, tỉnh G.
- *Bị đơn:* Chị Hà Thị Thuỳ L, sinh năm 1997;
Địa chỉ: Làng Hà Nừng, xã S, huyện K, tỉnh G.
Chỗ ở hiện nay: Khu 2, xã C, huyện T, tỉnh P.

Anh H và chị L vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Chu Văn H và chị Hà Thị Thuỳ L qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Sơn Lang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 18/01/2017.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh H trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác

nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung căng thẳng, nặng nề và không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích; do mẫu thuẫn vợ chồng không thể hoá giải được nên chị đã bỏ về xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ sinh sống và anh chị sống ly thân với nhau đến nay đã được một năm. Anh thấy mâu thuẫn vợ cH đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn với nhau.

Về phía chị L, chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H vì anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất hoà giữa chị với gia đình chồng và mẹ chồng dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, tình cảm của anh chị không còn nên chị L đã bỏ về quê làm ăn từ tháng 8/2022 cho đến nay.

2. Về con chung: Anh H và chị L có 01 con chung tên Chu Quỳnh Anh, sinh ngày 09/7/2017. Sau khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; Anh không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L cũng đồng ý với đề nghị về giải quyết nuôi con chung của anh H.

3. Về tài sản chung và nợ chung*:* Anh H và chị L không có tài sản chung và nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy đăng ký kết hôn tên Chu Văn H và Hà Thị Thuỳ L *(bản chính),* 01 Giấy khai sinh mang tên Chu Quỳnh Anh *(bản sao),* 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Chu Văn Mạnh *(bản photo),* 01 Căn cước công dân mang tên Chu Văn H (*bản photo*).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh H và chị L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã Sơn Lang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 18/01/2017; anh chị có 01 con chung tên Chu Quỳnh Anh, sinh ngày 09/7/2017. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do anh H giao nộp là Giấy đăng ký kết hôn tên Chu Văn H và Hà Thị Thuỳ L *(bản chính)*, Giấy khai sinh mang tên Chu Quỳnh Anh *(bản sao)*.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS); các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình (HN&GĐ) năm 2014; Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa anh Chu Văn H và chị Hà Thị Thuỳ L; giao con chung là cháu Chu Quỳnh Anh cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành và có khả năng lao động, do anh H không yêu cầu nên chị L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; anh H và chị L mỗi người phải chịu một nửa án phí ly hôn sơ thẩm (LHST) là 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] ***Về tố tụng dân sự:*** Anh Chu Văn H có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh và chị Hà Thị Thuỳ L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Anh H và chị L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã Sơn Lang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 18/01/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, giữa anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh H trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung căng thẳng, nặng nề và không có hạnh phúc, vợ cH thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích; do mẫu thuẫn vợ chồng không thể hoá giải được nên anh chị sống ly thân với nhau đến nay đã hơn một năm. Do mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L và chị L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H. Như vậy, xét mâu thuẫn vợ cH giữa anh H và chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị cùng đồng thuận ly hôn nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 55 của Luật HN&GĐ năm 2014 để công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn của anh chị.

[3] ***Về con chung:*** anh H và chị L có 01 con chung tên Chu Quỳnh Anh, sinh ngày 09/7/2017. Sau khi ly hôn, anh H đề nghị và chị L đồng ý là giao cháu Anh cho anh H nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do anh H không yêu cầu nên chị L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thỏa thuận này của anh chị là tự nguyện và đúng pháp luật nên được HĐXX công nhận.

[4] ***Về tài sản chung và nợ chung:*** Anh H và chị L không có tài sản chung và nợ chung nên cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] ***Về án phí:*** Anh H và chị L mỗi người phải chịu một nửa tiền án phí ly hôn sơ thẩm (LHST) theo quy định là 150.000 đồng.

<u>Vì các lẽ trên,</u>

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GĐ năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa anh Chu Văn H và chị Hà Thị Thuỳ L.

2. Về con chung: Công nhận thỏa thuận giữa anh Chu Văn H và chị Hà Thị Thuỳ L, giao con chung là cháu Chu Quỳnh Anh, sinh ngày 09/7/2017 cho anh H trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Anh trưởng thành, có khả năng lao động; do anh H không yêu cầu nên chị L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh H phải chịu 150.000 đồng án phí LHST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003703 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; anh H được hoàn trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí LHST đã nộp.

Chị L phải chịu 150.000 đồng án phí LHST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND Kbang;
-CCTHADS Kbang;
-Các đương sự;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **TP CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM ND **THẨM PHÁN-CTPT**

Nơi nhận:
-TA tỉnh;
TÒA
-VKS KBang;
-THA KBang;
-Các đương sự;
-Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Văn Nguyên